

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **298/2020/HS-ST**
Ngày 18-6-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh;
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Điều Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 268/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 305/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Quỳnh N**; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1993; Tại: tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: 85/4, khu phố 6, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Họ tên cha: Trần Minh H; sinh năm: 1968 (còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T; sinh năm: 1970 (đã chết); Bị can là con duy nhất trong gia đình; Họ tên con: Nguyễn Hoàng C; sinh năm: 2015; Tiền sự: không; Tiền án: 02 (hai), cụ thể: Ngày 09/12/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên phạt 06 (sáu) tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích); Ngày 11/9/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên phạt 01 (một) năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Đến ngày 11/10/2018, chấp hành xong hình phạt (chưa được xóa án tích). Bị cáo Nguyễn Quỳnh N bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi

cư trú, đến ngày 16/4/2020, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên bị áp dụng biện pháp tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa từ ngày 16/4/2020 cho đến nay. (Có mặt).

- *Bị hại:* Chị Bùi Thị Kim T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: G17, tổ 10, khu phố 6, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Văn Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 826 Phạm Văn A, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Nguyễn Quỳnh N là đối tượng có tiền án về tội Trộm cắp tài sản, khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/9/2019, N điều khiển xe đạp chở con gái tên Nguyễn Hoàng C, sinh năm 2015 đi chơi. Khi đi đến đoạn đường hẻm thuộc khu phố 6, phường A, thành phố B, thì N phát hiện có dây phòng trọ không khóa cổng nên N nảy sinh ý định đi vào bên trong tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. N đi vào đến phòng trọ của chị Bùi Thị Kim T, sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú thị trấn X, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận thì thấy 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S của chị T đang sạc pin để gần cửa sổ phòng, không có người trông coi nên N thò tay qua cửa sổ và lấy trộm chiếc điện thoại rồi bỏ đi. Sau khi phát hiện bị mất điện thoại, chị T đã trình báo đến công an phường A, qua xác minh phát hiện Nguyễn Quỳnh N là đối tượng đã lấy trộm điện thoại của chị T nên công an phường A lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi kết thúc điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đề nghị truy tố đối với Nguyễn Quỳnh N theo quy định của pháp luật thì N đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa ra Quyết định truy nã đối với N. Đến ngày 16/4/2020, Nguyễn Quỳnh N tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội và bị bắt, xử lý theo quy định của pháp luật.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng, số Imei: 358568074100508 là tài sản của chị Bùi Thị Kim T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi trả lại cho chị T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 524/TCKH-HĐĐG ngày 09/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa đã kết luận: “01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng, số Imei: 358568074100508” có giá trị định giá là 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng).

Về dân sự: Bị hại Bùi Thị Kim T đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 283/CT-VKSBH-HS ngày 14/5/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Quỳnh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

Áp dụng Khoản 1, Điều 173 và điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Quỳnh N từ 12 (mười hai) tháng đến 14 (mười bốn) tháng tù.

Bị cáo N có mặt không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

3. Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, lời khai của họ đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử; nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- **Những chứng cứ xác định có tội:** Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, kết luận định giá tài sản, biên bản lấy lời khai bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/9/2019 tại phòng trọ thuộc khu phố 6, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Quỳnh N đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng trị giá 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) của chị Bùi Thị Kim T thì bị phát hiện và bị xử lý theo quy định pháp luật.

- **Về tội danh:** Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Nguyễn Quỳnh N phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số 283/CT-VKSBH-HS ngày 14/5/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “trộm cắp tài sản” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- **Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:** Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong đời sống của người dân tại các khu dân cư. Bị cáo là người không có nghề nghiệp, biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

- **Về nhân thân:** Không có

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Không có.

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội nhưng

gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo N để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về thời điểm bắt đầu tính thời hạn tù: Hiện tại bị cáo đang bị giam giữ theo lệnh tạm giam của Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đồng Nai để điều tra, truy tố đối với vụ án khác. Vì vậy, thời hạn tù của bị cáo trong vụ án này được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt tù của bản án này. Sau này, khi tiến hành tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án khác, Tòa án có thẩm quyền sẽ xác định lại thời điểm chấp hành hình phạt chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng, số Imei: 358568074100508 là tài sản của chị Bùi Thị Kim T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi trả lại cho chị T là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Bị hại chị Bùi Thị Kim T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quỳnh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quỳnh N 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án này.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Quỳnh N phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có QL,NV liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hòa

